

NGUỒN HÀNG VÀ THƯƠNG PHẨM CỦA QUẢNG BÌNH TRONG SỰ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI ĐÀNG TRONG THẾ KỶ XVI-XVIII

Vũ Thị Xuyên*

Cùng với cách nhìn truyền thống từ lục địa, thì *cách nhìn từ biển*⁽¹⁾ (A view from the sea) và *cách nhìn từ núi*⁽²⁾ (A view from the mountain) ngày càng được thừa nhận, sử dụng rộng rãi khi nghiên cứu lịch sử, văn hóa Việt Nam. Với đường bờ biển dài hơn 3.260km, biển từ rất sớm đã ảnh hưởng mạnh mẽ tới quá trình sinh thành, tạo dựng và phát triển của dân tộc Việt. Là một bộ phận của lãnh thổ Việt Nam, những đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội của miền Trung sẽ không được lý giải, thấu hiểu một cách triệt để và sâu sắc nếu không gắn chúng với biển, với duyên hải. Dấu ấn của biển đã in đậm trong cơ tầng văn hóa bản địa của miền Trung, đặc biệt là trong sự phát triển của vương quốc cổ Champa. Kết hợp những ghi chép trong nguồn tư liệu thư tịch cổ cùng thành tựu nghiên cứu của khảo cổ học, nhân học, các nhà nghiên cứu ngày càng có cơ sở vững chắc để khẳng định truyền thống thương mại xuất hiện từ sớm của người Chăm. Với cái nhìn cởi mở với biển,⁽³⁾ người Chăm đã sớm khai thác, phát triển thương mại biển và trở thành một vương quốc biển điển hình ở khu vực Đông Nam Á từ thế kỷ I đến thế kỷ XV. Kế thừa truyền thống hải thương của người Chăm, Nguyễn Hoàng khi vào trấn thủ Thuận Hóa cũng lựa chọn kinh tế thương mại làm bệ đỡ cho chính thể của mình. Triệt để khai thác các nguồn tài nguyên phục vụ cho hoạt động hải thương, chúa Nguyễn đã mang lại sự hồi sinh cho các cảng thị miền Trung.⁽⁴⁾ Trong hoạt động thương mại diễn ra mạnh mẽ thì các nguồn hàng và thương phẩm của Quảng Bình nói riêng và Đàng Trong nói chung giữ vai trò to lớn. Sự phong phú đa dạng của các nguồn thương phẩm chính là điều kiện để chúa Nguyễn tiến hành các hoạt động giao thương, thiết lập các mối bang giao khu vực. Xuất phát từ ý nghĩa đó, bài viết tập trung làm rõ những nguồn hàng và thương phẩm của Quảng Bình trong thương mại Đàng Trong, cũng như vị thế của vùng đất này trong mạng lưới thương mại Đàng Trong nói riêng và khu vực nói chung.

1. Quảng Bình dưới thời chúa Nguyễn ở Đàng Trong

Cương vực, địa giới của Quảng Bình hiện nay đã xuất hiện hoàn chỉnh dưới thời nhà Nguyễn⁽⁵⁾ (1802-1945), được đánh dấu bằng sự kiện vua Minh Mạng (1820-1840) tiến hành cải cách hành chính và chia lại địa giới các vùng trong cả nước. Theo ghi chép của *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* thì: Quảng Bình phía đông giáp biển lớn, phía tây tiếp núi cao, phía nam giáp dinh Quảng Trị, phía bắc giáp Nghệ An ở Hoàng Sơn. Núi non giăng ngang, sông ngòi đẹp đẽ.⁽⁶⁾ Bổ sung thêm miêu tả này, *Đại Nam nhất thống chí* cũng cho biết: hạt tỉnh phía đông giáp

* Khoa Việt Nam học và tiếng Việt, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

biển cả, phía tây không chế sơn nam, phía nam hướng vào kinh kỳ, phía bắc liền với Hoan Châu (Nghệ An và Hà Tĩnh hiện nay - VTX).⁽⁷⁾

Tuy nhiên, như một định đề đã được đồng đảo các nhà nghiên cứu thừa nhận thì sự sinh thành, phát triển của dân tộc Việt gắn liền với quá trình *Nam tiến*, mở rộng lãnh thổ về phương Nam. Đất Quảng Bình xưa kia vốn là vùng đất của vương quốc Champa, thông qua những cuộc “tương tác quyền lực”, qua những mối quan hệ hôn nhân..., người Việt đã dần mở rộng và sáp nhập vào lãnh thổ của mình. Theo *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi thì năm 1069, vua Lý Thánh Tông đánh Chiêm Thành, bắt được vua Chiêm là Chế Củ. Chế Củ hiến 3 châu Địa Lý, Ma Linh, Bố Chính.⁽⁸⁾ Đại Việt lấy đất ba châu này lập ra phủ Tân Bình, rồi sau đổi là phủ Tiên Bình. Đến thời Trần, năm 1306, vua Chiêm là Chế Mân đã dâng nạp cho Đại Việt vùng đất châu Ô, châu Lý⁽⁹⁾ để làm lễ vật cưới công chúa Huyền Trân. Nhà Trần đã đổi tên châu Ô là châu Thuận và châu Lý là châu Hóa, đặt hai châu này dưới sự cai quản của phủ Thuận Hóa.⁽¹⁰⁾ Đến cuối đời Trần, nhà Trần đổi Lâm Bình thành Tân Bình, cùng với trấn Thanh Hoa và 2 lộ (Nghệ) An và Diễn (Châu) đều là trọng trấn. Thời thuộc Minh đặt làm 2 phủ Tân Bình và Thuận Hóa. Thời Lê, Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 7 (1466), đặt thừa tuyên Thuận Hóa thống thuộc các phủ, huyện. Có 2 phủ, 8 huyện”.⁽¹¹⁾ Như vậy, đến thời vua Lê Thánh Tông, Tân Bình thuộc vào thừa tuyên Thuận Hóa.

Mặc dù chính quyền nhà Lê đã có sự thiết lập quản lý về mặt hành chính nhưng nhìn chung xứ Thuận Hóa vẫn là vùng đất hoang vắng, chưa có dấu vết của sự cư trú trù mật. Theo miêu tả của tác giả *Ô Châu cận lục*: “nước lụt tràn lan không có đê phòng giữ. Nhà ở lợp bằng tranh, bằng cỏ chứ không có ngói. Đường xa ngàn dặm không có một cái quán nào”.⁽¹²⁾ Đến thế kỷ XVIII, khi vào Đàng Trong, Lê Quý Đôn cũng khẳng định diện mạo hoang sơ của nơi đây: “Họ Nguyễn trước đặt dinh Bố Chính, dinh Quảng Bình, đều có Ký lục, Cai hợp và Xá Sai Ty để khám xét việc từ tụng, bởi vì từ Phú Xuân ra, nhân dân đi hầu Chính dinh không tiện. Đường vào Thuận Hóa thì chỉ từ xã Phù Tôn, huyện Lệ Thủy đến xã Hồ Xá, huyện Minh Linh là dọc đường có quán Cát, quán Sen, quán Bụt, quán Hà Cờ, dân cư ở hai bên, hành khách có chỗ ngủ trọ; còn từ ấy đến quán Hải Vân thì không có quán”.⁽¹³⁾

Tuy nhiên, Thuận Hóa nói chung và Quảng Bình nói riêng đã mang một diện mạo hoàn toàn khác khi Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa năm 1558 và năm 1570 kiêm trấn thủ Quảng Nam. Chúa Nguyễn đã từng bước tạo lập bộ máy hành chính trên vùng đất mới, xây dựng xứ Đàng Trong trở thành một vương quốc riêng biệt, tồn tại trong thế đối đầu với họ Trịnh ở Đàng Ngoài. Đến năm 1604, tên gọi Quảng Bình chính thức được xác lập. Thời chúa Nguyễn Phúc Nguyên (1614-1635) thì đổi phủ Quảng Bình thành dinh Quảng Bình. Năm 1776, khi vào kinh lược xứ Đàng Trong, Lê Quý Đôn đã có những ghi chép rất tỉ mỉ về cương vực, hành chính, phong tục, xã hội của cư dân Đàng Trong. Những thông tin quý giá này được coi là nguồn tư liệu khả tín giúp các nhà nghiên cứu dựng lại lịch sử xứ Thuận Quảng. Tác giả *Phủ biên tạp lục* cho biết: Thuận Hóa thừa tuyên sứ ty quản 2 phủ 8 huyện 4 châu. Phủ Tân Bình 2 huyện 2 châu là: huyện Khang Lộc 4 tổng 80 xã 7 thôn 4 trang; huyện Lệ Thủy 6 tổng 28 xã 2 trang; châu Bố Chính 12 tổng 64 xã 24 phường 20 trang; châu Minh Linh 8 tổng 63 xã.⁽¹⁴⁾ Như vậy vùng đất Quảng Bình dưới thời chúa Nguyễn bao gồm 3 huyện 1 châu, đó là: huyện Minh Linh, huyện

Khang Lộc, huyện Lệ Thủy và châu Nam Bố Chính.⁽¹⁵⁾ Theo *Giáp Ngọ niên bình Nam đồ*, thì phủ Quảng Bình dưới thời chúa Nguyễn cũng bao gồm 3 huyện Khang Lộc, Lệ Thủy và Minh Linh.⁽¹⁶⁾

2. Nguồn hàng và thương phẩm của Quảng Bình

2.1. Nguồn lâm, thổ sản

Quảng Bình nói riêng và Đàng Trong nói chung đều nằm trọn vẹn trong hệ sinh thái vùng nhiệt đới gió mùa với hai đặc tính cơ bản: chỉ số đa dạng giống loài thường cao và khả năng tái sinh nhanh. Đặc điểm tự nhiên của xứ nhiệt đới là điều kiện lý tưởng cho Đàng Trong có nguồn gỗ quý đa dạng, nguồn hương liệu dồi dào. Thực tế cho thấy, trong những thương phẩm xuất khẩu từ Đàng Trong thì những sản phẩm nông nghiệp (hồ tiêu, đường, quế, lúa gạo...) và lâm nghiệp (nhiều loại gỗ quý như trầm hương, kỳ nam, gỗ vang...) chiếm số lượng rất lớn và có sức thu hút với thương nhân nước ngoài. Cùng với đặc điểm tự nhiên thuận lợi cho sự sinh trưởng, phát triển các sản phẩm lâm, thổ sản thì theo ghi chép của Dương Văn An vùng đất này cũng rất trù phú, giàu có: “Đồng bằng lấy nông tang làm cơ nghiệp. Bờ biển sống bằng nghề cá muối. Thổ nghi chẳng thiếu một thứ gì. Rượu tầm rất ngon. Hải vị sơn hào, của nhiều chan chứa. Cá tôm sẵn ở hồ, ở biển, xứ nào cũng có. Gỗ cây lấy ở núi, ở rừng, tùy ý mà dùng đủ cả... đất đai phì nhiêu nên được thóc mà không cần dùng công khó nhọc”.⁽¹⁷⁾

Khi ghi chép về nguồn lâm thổ sản quý của Quảng Bình, Lê Quý Đôn cho biết: Nguồn Cơ Sa ở châu Bố Chính, sản xuất ngà voi, màn hoa, gối hoa, lụa, mật ong, sáp vàng, nhựa trám, gỗ lim, gỗ vàng tâm, trúc thanh bì (lô ô). Nguồn An Đại ở huyện Khang Lộc, sản xuất trầm hương, tốc hương, hoàng đàn, sinh hương, mật ong, sáp vàng, hoàng đằng, lông chim trĩ, diêm tiêu.⁽¹⁸⁾

Về sự giàu có của các nguồn gỗ quý ở huyện Khang Lộc, Lê Quý Đôn cũng cho biết thêm: “Rừng núi hai chỗ nguồn Trạm, nguồn Cộc thuộc huyện Khang Lộc có nhiều gỗ tốt, có gỗ tấu đen bền như sắt, dân địa phương dùng làm cột nhà, gỗ gụ có hoa vân mà chất bền dùng làm giàn giá, gỗ bời lời, to mà sắc trắng, dùng làm ván bung vách, gỗ chò chiết, to mà sắc đỏ, gỗ dạ, to mà sắc vàng, dùng làm bông ép, gỗ hoa mộc, đỏ mà có vân”.⁽¹⁹⁾ Nguồn hàng gỗ quý này đã đáp ứng nhu cầu rất lớn của cư dân Đàng Trong, cũng như được chuyển đến các cảng thị cung cấp cho thuyền buôn các nước. Những hoạt động buôn bán tấp nập đã diễn ra tại đây: Hàng năm tháng 8, khách buôn đóng bè chở xuống chợ Cộc bán gỗ cây, gỗ súc kể có hàng nghìn trăm cây, lớn nhỏ tùy dùng. Như làm một cái nhà năm gian, dùng gỗ rất tốt cũng không quá 30 quan, xen gỗ tạp thì chỉ độ 17, 18 quan. Tục gọi cột lớn là cột mẹ, cột nhỏ là cột con. Đến như gỗ đóng thuyền thì đều dùng gỗ huệ, rất dài và rất to, bề rộng và bề dày đều gấp bội các loại gỗ thường, sắc đỏ mà nhẹ, cùng với gỗ gụ và gỗ sến, tục địa phương đều chuộng cả; người ta cho rằng gỗ lim nặng quá không tiện dùng...⁽²⁰⁾ Như vậy, nguồn gỗ quý của Quảng Bình đã trở thành mặt hàng cung cấp cho các khu vực khác của Đàng Trong. Hơn nữa, đây không chỉ là nguồn nguyên liệu phục vụ trong đời sống của cư dân mà còn là nguyên liệu tạo ra các sản phẩm thủ công để trao đổi, buôn bán với các vùng, miền khác. Hoạt động giao thương nội vùng đã thúc đẩy sự tham gia mạnh mẽ của cư dân địa phương vào kinh tế thương mại.

Điều đặc biệt là, gỗ quý còn là mặt hàng có nhu cầu rất lớn của thương nhân nước ngoài, theo miêu tả của *Phủ biên tạp lục*: Gỗ kiên kiên thớ gỗ nhỏ mịn, cứng bền, lâu hỏng, chôn sâu dưới đất mấy thước trăm năm không hư. Khách buôn Quảng Đông nói gỗ này tức *Kinh thư* gọi là gỗ nam, có mùi thơm thì gọi là hương nam, sắc vàng thì gọi là hoàng nam, sắc trắng gọi là bạch nam, ở đầu nguồn châu Nam Bố Chính và các huyện Khang Lộc, Quảng Điền, Phú Vang đều có cả. Nhà cửa lầu gác thuyền bè họ Nguyễn đều dùng gỗ kiên kiên.⁽²¹⁾ Trong các địa điểm khai thác gỗ ở Quảng Bình thì huyện Minh Linh cũng là nơi có nhiều nguồn thương phẩm dồi dào: Gỗ dầu sơn sản ở tổng Bái Trời, huyện Minh Linh, do nhà dân trồng, cây giống như cây phiên đào (cây ổi), lá tựa lá trầu mà dày, có ba khía nhọn sắc, quả như quả hồng, da xù xì, có bốn hột, đầu mùa xuân thì hái bóc lấy hột, giã nhỏ, chum qua, rồi ép thành dầu, sắc vàng mà sáng, chuột bỏ không dám ăn. Có dùng sơn đồ vật thì cứng lại như cao, cho trần hoàng vào (tàu Trung Quốc chở sang, chất mềm sắc vàng) thì thành sắc vàng; cho ngân châu vào thì thành sắc son, trộn với vôi và vỏ tre non cạo nhỏ mà giã thành cao, lấy dẻ lưới rách nhào lẫn vào, dùng để xảm lỗ thuyền rò thì rắn như đá, trùng không thể đục được. Họ Nguyễn trước đặt hai đội dầu sơn gồm 60 người, lấy người các huyện xấp xỉ sung vào, miễn các tiền sai dư, cước mễ và sưu dịch.⁽²²⁾

Cùng với nguồn gỗ quý, hồ tiêu là một trong những mặt hàng mà thương nhân nước ngoài rất ưa thích khi buôn bán tại Đàng Trong. Huyện Minh Linh của Quảng Bình cũng là địa điểm phong phú, dồi dào về nguồn hồ tiêu: Hồ tiêu sản ở các phường và xã Mai Xá, tổng Bái Trời, huyện Minh Linh, mọc đầy rừng, leo vào các cây mà mọc. Xưa Đoan quận công từng sai người y theo giá mà mua chở về cùng với vẩy cá, yến sào, để đổi cho khách buôn lấy hóa vật, bèn làm thành lệ. Họ Nguyễn cứ hàng năm vào thượng tuần tháng 5 thì sai đội trưởng thuyền Tân nhất cùng tinh binh ra địa phương hạ lệnh cho dân, tùy vườn nhiều ít mà chia bao, hợp số định giá mua lấy, một gánh hồ tiêu thì trả 5 quan tiền chở về phố Thanh Hà, bán cho khách Tàu, không cho dân địa phương bán riêng. Dân phường thì có lệ phải cống hồ tiêu trắng và đen mỗi thứ một bao, mỗi bao 100 cân.⁽²³⁾

Có thể nói hồ tiêu đã mang lại giá trị to lớn cho chính quyền Thuận Hóa, chúa Nguyễn đã nắm độc quyền các hoạt động thu mua, buôn bán nguồn hàng này. Hồ tiêu sau khi thu mua sẽ được vận chuyển đến các thương cảng để cung cấp cho các thuyền buôn ngoại quốc, một trong những cảng thị đó là Thanh Hà.⁽²⁴⁾ *Phủ biên tạp lục* cũng cho biết thêm: Thời họ Nguyễn trước, hồ tiêu cứ cho là 100 cân làm một tạ, giá 5, 6 quan, khách Bắc và khách Mã Cao thường buôn về Quảng Đông.⁽²⁵⁾

Trong sự phát triển mạnh mẽ của các hoạt động giao thương, Đàng Trong đã trở thành thị trường thu hút đông đảo thuyền buôn khu vực và quốc tế. Các thương nhân tìm thấy ở đây nguồn thương phẩm bản địa dồi dào, và đa dạng các thương phẩm từ những thị trường khu vực. Được biết đến là một trong những thành phần rất thành thạo, năng động, giàu kinh nghiệm trong các hoạt động buôn bán, lại có truyền thống giao thương lâu đời với người Việt, Hoa thương là những thương nhân quen thuộc trong hoạt động thương mại với chính quyền Thuận Hóa. Những nguồn hàng như gỗ quý, hồ tiêu, khoáng sản... có sức thu hút mạnh mẽ với người Hoa. Thông qua lời kể của các thương nhân khi buôn bán tại Đàng Trong, có thể thấy hoạt động thương mại nhộn nhịp của họ trên mảnh đất của chúa Nguyễn: “Khách buôn Quảng Đông có người họ Trần, quen mua bán, hần nói rằng từ phủ Quảng

Châu do đường biển đến trấn Thuận Hóa, được gió mùa thuận thì chỉ ba ngày ba đêm, vào cửa Eo đến phố Thanh Hà ở Phú Xuân, vào cửa Đại Chiêm, đến phố Hội An ở Quảng Nam cũng thế. Từ Quảng Châu đến trấn Sơn Nam về thì chỉ mua được một thứ củ nâu, thuyền từ Thuận Hóa về cũng chỉ có một thứ hồ tiêu; còn từ Quảng Nam về thì các hàng không món gì không có, các nước phiên không kịp được”.⁽²⁶⁾ Như vậy, rất có thể hồ tiêu được cung cấp từ các địa phương của Quảng Bình đã trở thành nguồn hàng xuất khẩu quan trọng. Không chỉ có các thương nhân khu vực, mà các thương nhân châu Âu khi tới Đàng Trong buôn bán cũng chia sẻ về sự giàu có của thương phẩm này, cũng như những hoạt động thu mua của người Hoa, “hồ tiêu rất dồi dào. Chất lượng tốt. Một số lượng lớn được mua bởi thuyền mảnh của người Hoa”.⁽²⁷⁾

Cùng với nguồn thương phẩm từ rừng, thì cau vốn là sản vật địa phương của Đàng Trong cũng trở thành mặt hàng quan trọng phục vụ cho hoạt động thương mại. Có thể nói Gia Định là một trong những địa điểm dồi dào nhất, trong dân gian vẫn còn lưu truyền, “Gia Định nhất thóc nhì cau”. Tuy nhiên, cau cũng là sản vật của nhiều địa phương ở Đàng Trong. Theo Lê Quý Đôn thì: “Cau ở Thuận Hóa bốn mùa đều có, mềm non mà ngọt, giá rất rẻ, mười quả chỉ 2 đồng. Tục ở Quảng Bình, cứ dưới một cây cau thì trồng một cây trâu không, hay một cây hồ tiêu cho phụ vào, vườn rừng um tùm. Ở chân núi Ái Vân cùng các xứ phường Lạc, phường Giá, phường Rây thuộc Quảng Nam, cau mọc thành rừng, quả già da sém, người địa phương lấy hạt chứa cao như gò, tàu Bắc mua chở về Quảng Đông bán và ăn thay chè”.⁽²⁸⁾

Như vậy những sản vật từ rừng, từ đồng bằng của Quảng Bình được khai thác đã bổ sung cho sự đa dạng nguồn hàng và thương phẩm của Đàng Trong, tham gia vào các hoạt động thương mại của chính quyền Thuận Hóa. Trong điều kiện tự nhiên có nhiều hạn chế cho canh tác nông nghiệp thì những sản vật tự nhiên này là nguồn thương phẩm quan trọng để chúa Nguyễn dự nhập mạnh mẽ vào mạng lưới thương mại khu vực, thu hút đông đảo thuyền buôn ngoại quốc tới Đàng Trong giao thương. Đồng thời, những sản vật từ rừng như trầm hương, kỳ nam còn là điều kiện để chúa Nguyễn thiết lập các mối bang giao, nâng cao vị thế, tầm ảnh hưởng trong khu vực và quốc tế.

2.2. Nguồn khoáng sản và nguồn hàng thủ công nghiệp

Cùng với nguồn hàng lâm thổ sản thì nguồn khoáng sản và nguồn hàng từ các ngành nghề thủ công của Quảng Bình cũng mang lại nguồn lợi lớn và giữ vị trí không nhỏ trong thương mại Đàng Trong. Trong các nguồn khoáng sản được chính quyền Thuận Hóa trao đổi với các tàu buôn ngoại quốc thì nguồn sắt được khai thác từ vùng núi Quảng Bình chiếm số lượng không nhỏ. *Phủ biên tạp lục* đã cung cấp nhiều thông tin về nguồn hàng này: Qua xã Cao Lao, vượt núi dài Lệ Đệ⁽²⁹⁾ mười mấy dặm, độ một canh rưỡi thì đến trang Diên Phúc, gọi là xứ Mực Dương. Trang này trước nộp thuế sắt. Hỏi lấy sắt ở đâu thì nói là lấy sắt ở núi Lệ Đệ, một trang 50 lò, mỗi năm mỗi lò phải nộp 2 thoi, cộng là 100 thoi, nộp tại Dinh Ngói, mỗi người tốn tiền 6 quan...⁽³⁰⁾ Cũng giống như các nguồn lâm sản quý, chúa Nguyễn thông qua các hình thức thu thuế đã kiểm soát hoạt động khai thác, buôn bán nguồn hàng này. Nguồn thuế từ các mặt hàng khoáng sản hẳn là có sự đóng góp rất lớn vào nguồn ngân sách của chính quyền Thuận Hóa.

Về mặt hàng thủ công nghiệp, muối là một trong những thương phẩm nổi bật của Quảng Bình trong thương mại Đàng Trong. Nguồn muối sản xuất ở đây đã đáp ứng nhu cầu của thị trường nội địa. Lê Quý Đôn khi đến Đàng Trong đã ghi chép tỉ mỉ hoạt động sản xuất, trao đổi muối tại Thuận Hóa: Dọc theo bờ biển Thuận Hóa có ruộng muối, gọi là diêm điền. Thuế diêm điền định như sau: mỗi lò muối, ruộng 1 sào thì thu thuế 1 sọt muối, nửa sào thì thu một mủng, không đầy nửa sào thì thu nửa mủng. Một lò mà nhiều ruộng thì 2 sào thu 1 sọt, trên nửa thì tăng dần lên. Hai xã Diêm Trường, Phụng Chính huyện Phú Vang hàng năm nộp 56 sọt mà ruộng tam bảo thì được miễn cả; xã Xuân Mỹ huyện Minh Linh hàng năm nộp 168 sọt, lễ 15 sọt, xã Di Luân mỗi năm nộp 60 sọt, lễ 5 sọt; (cái sọt mặt một thước, cao 1 thước 5 tấc). Các xã ấy đều được miễn các món tiền thường tân, tiết liệu, bắt lính, thế lính, sưu sai, cầu cống, đường sá...⁽³¹⁾ Nguồn muối được khai thác tại đây chắc chắn sẽ được buôn bán, trao đổi với các vùng, miền khác của Quảng Bình. Đặc biệt với khu vực miền núi phía tây, khu vực xa biển và là vùng đất sinh sống của người Thượng⁽³²⁾ thì nguồn hàng này hẳn là đóng vai trò vô cùng quan trọng. Bởi đây là mặt hàng không thể thiếu, mang tính chất sống còn đối với sự tồn tại của người vùng cao. Đề cập đến mặt hàng này, Lê Quý Đôn đã cung cấp chi tiết các hoạt động trao đổi nội vùng: Xã Diêm Trường, xã Phụng Chính huyện Phú Vang, xã Xuân Mỹ, xã Di Loan huyện Minh Linh, đều có mấy trăm lò, đều theo lệ cũ của họ Nguyễn chịu thuế nộp muối. Phường Cồn Đầu, trang Đông Cao châu Nam Bố Chính mở nấu được 80 lò. Nại thôn thuộc xã Cừ Hà được 50 lò, chưa bỏ thuế. Các xã buôn muối cũ có thuế diêm đình, 3 sọt, 4 sọt, cũng chưa bỏ thuế. Dân được khoan dưỡng, nên sinh kế càng ngày càng tăng, giá hàng hạ mà thuế khóa dồi dào, có thể không phiền phải chở muối ở Thanh Nghệ đến mà quan binh tùy chỗ lấy dùng cũng đủ.⁽³³⁾ Như vậy từ sản phẩm thủ công của một địa phương, muối cũng tham gia vào các hoạt động buôn bán nội vùng. Có thể nói, chính sách thuế khóa mềm dẻo đã lôi cuốn, thúc đẩy cư dân bản địa Đàng Trong tham gia vào hoạt động buôn bán.

Cùng với nguồn hàng muối, lụa của Quảng Bình cũng là mặt hàng thủ công đóng góp vai trò nhất định trong hệ thống các nguồn thương phẩm của Đàng Trong. Tơ lụa là một trong những thương phẩm được buôn bán rất nhiều, có sức hấp dẫn mạnh mẽ đối với người Nhật và người Hoa. Để thu mua tơ lụa của Đàng Trong, Hoa thương và Nhật thương phải đặt tiền trước và chờ đợi trong suốt cả mùa thương mại nhằm có được đủ hàng cho các thương thuyền về nước. Trong sự phát triển mạnh mẽ của các hoạt động giao thương, Quảng Bình chắc chắn chiếm giữ vị trí nhất định trong việc cung ứng tơ lụa. Theo *Phủ biên tạp lục*, nghề dệt ở các địa phương của Quảng Bình dưới thời chúa Nguyễn phát triển rất mạnh mẽ, khi “cả huyện Khang Lộc đều dệt vải, không dệt chỉ có một vài xã thôi. Các xã Bình Xá, Võ Xá huyện Lệ Thủy thì đều dệt lụa làm nghề”.⁽³⁴⁾ Sự khan hiếm của nguồn tư liệu không cung cấp cho chúng ta một cái nhìn đầy đủ về số lượng, cách thức trao đổi, buôn bán các nguồn hàng thủ công này. Tuy nhiên, sự phát triển năng động của Đàng Trong, cùng đông đảo các thương nhân ngoại quốc với nhu cầu rất lớn các nguồn thương phẩm khai thác từ tự nhiên, hẳn là nguồn hàng và thương phẩm của Quảng Bình đã được các thương nhân mua bán, trao đổi mạnh mẽ.

3. Vị thế của Quảng Bình trong thương mại Đàng Trong

Khởi nghiệp trên vùng đất không có nhiều điều kiện thuận lợi cho các hoạt động kinh tế nông nghiệp, lại tồn tại trong thế đối đầu với họ Trịnh ở Đàng Ngoài,

các chúa Nguyễn đã có sự lựa chọn sáng suốt, táo bạo khi đặt cược sự tồn tại của vương quốc trên nền tảng kinh tế ngoại thương. Với cái nhìn cởi mở với biển, chúa Nguyễn đã dự nhập mạnh mẽ vào mạng lưới thương mại khu vực, vào những hoạt động buôn bán diễn ra nhộn nhịp trong *kỷ nguyên thương mại châu Á*.⁽³⁵⁾ Triệt để khai thác các nguồn hàng và thương phẩm tại các địa phương, chính quyền Thuận Hóa đã biến chúng thành những mặt hàng có giá trị. Trong các nguồn hàng đó, nguồn lâm, thổ sản được khai thác từ khu vực miền núi miền Trung và Tây Nguyên giữ vai trò chủ yếu. Đây chính là những địa điểm nguồn, cung cấp cho chính quyền ở vùng đồng bằng những sản vật mang giá trị cao. Trong sự tác động qua lại của các mối giao thương, các hoạt động buôn bán cũng kéo theo sự vận động, phát triển năng động của khu vực phía tây lãnh thổ Đàng Trong - nơi sinh sống của người Thượng. Trong sự biến động chung đó, những mối liên hệ giữa miền ngược và miền xuôi, giữa đồng bằng và miền núi Quảng Bình đã diễn ra mạnh mẽ.

Theo Lê Quý Đôn, “Thời các chúa Nguyễn, ở các đầu nguồn châu Nam Bố Chính, huyện Khương Lộc, huyện Đàng Khương, huyện Hải Lăng, huyện Quảng Điền, huyện Hương Trà, huyện Phú Vang là nơi có nhiều động, sách Mọi, có đặt quan, thường là một viên quan cai đội để chăm nom và thu thuế dân Mọi và người Việt lên buôn bán ở xứ Mọi. Thuế ấy gồm hai phần: Thuế công để nạp nhà nước, và thuế tư để làm ngụ lộc cho quan hữu trách. Thuế có nơi đánh theo số dân đình, có nơi đánh vào động, sách, trả bằng tiền hoặc bằng sản vật như sáp ong, song mây, chiếu mây, đèn cẩu lăm, nhựa trám, lô hội, vải trắng của Mọi, dao đánh lửa, đá lửa, ngà voi, sừng tê, trâu, vỏ gai, dầu, dầu vừng, mật ong, gạo nếp...”⁽³⁶⁾ Chúa Nguyễn đã thu tóm các hoạt động buôn bán cũng như kiểm soát nguồn hàng ở đây thông qua hình thức thu thuế. Nguồn thuế chắc chắn là mang lại giá trị lớn cho chính quyền Thuận Hóa. Cùng với những nguồn hàng được mang đến từ thượng nguồn, thì các nguồn hàng phổ biến trong cuộc sống của người miền núi như muối, cá khô,... cũng được các thương nhân vận chuyển ngược trở lại.

Không chỉ lôi cuốn vùng đất của người Thượng vào các hoạt động buôn bán, những thuyền buôn tấp nập trên các cảng biển Đàng Trong, cùng hoạt động trao đổi nhộn nhịp còn thúc đẩy các cư dân bản địa tham gia vào các hoạt động giao thương. Khi ghi chép về cư dân thuộc châu Nam Bố Chính của Quảng Bình, Lê Quý Đôn cho biết: “Người thôn Chính Hòa thuộc châu Nam Bố Chính tên là Trùm Châu nói rằng trước y đi buôn bán ở phủ Gia Định hơn mười chuyến, thường đi vào tháng 9 tháng 10 về vào tháng 4 tháng 5, thuận gió không quá 10 ngày đêm là đến. Mỗi chuyến đi thường qua cửa biển Nhật Lệ, trình trấn quan, vào Cửa Eo, trình quan, lĩnh giấy phép ra biển, đến xứ Vũng Tàu ở đầu côi Gia Định là chỗ hải đảo, có dân cư, hạ buồm đậu vào, hỏi thăm nơi nào được mùa nơi nào mất mùa, biết nơi nào được mùa mới đến ở. Trên thì có cửa biển Cần Giờ, ở giữa thì vào cửa biển Soài Rạp, dưới thì vào Cửa Đại, Cửa Tiểu. Đến chỗ nào thuyền buôn cũng tụ họp, mặc cả thành giá thì người bán tự sai người nhà khuân hàng xuống thuyền...”⁽³⁷⁾

Sự tham gia tích cực, chủ động của người Việt vào các mối giao thương đã khẳng định một truyền thống hướng biển, truyền thống thương mại của người Việt. Sự phát triển của hệ thống thương mại khu vực, kéo theo sự hưng thịnh của các cảng thị cũng như sự có mặt đông đảo của các thương nhân ngoại quốc tại Đàng Trong đã thúc đẩy, lôi cuốn, làm biến động các xã hội duyên hải của Đàng Trong. Chính hoạt động buôn bán nhộn nhịp của cư dân bản địa đã cho thấy Đàng Trong

mang một diện mạo hoàn toàn khác so các xã hội trước đây trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Hoạt động thương mại của cư dân Quảng Bình đã kết nối Quảng Bình với kinh tế hải thương của Đàng Trong. Cũng giống như trong các hoạt động thương mại với người Thượng ở vùng cao nguyên, chúa Nguyễn cũng tiến hành kiểm soát chặt chẽ các hoạt động buôn bán, đi lại giữa các vùng, miền, thông qua hình thức thuế. Theo *Phủ biên tạp lục*: “Dọc các cửa biển từ châu Nam Bố Chính đến Gia Định, Đồng Nai, các nhà buôn và các lái, bản thuyền bản dinh, cai thuộc, cai xã, phàm ai có thuyền tư ghe tư đều biên vào sổ nhà nước, theo trong lòng thuyền rộng mấy thước mà định lớn nhỏ, phải nộp tiền vận chuyển, rộng 11 thước nộp 11 quan, 9 thước nộp 9 quan, xuống đến 4 thước nộp 4 quan.”⁽³⁸⁾

4. Kết luận

Cùng với việc chú trọng phát triển kinh tế ngoại thương, chúa Nguyễn cũng không ngừng mở rộng lãnh thổ, tầm ảnh hưởng về phương Nam. Trong quá trình ấy, nguồn lợi từ các hoạt động buôn bán, trao đổi nguồn hàng và thương phẩm đóng vai trò to lớn. Nằm trong hệ sinh thái vùng nhiệt đới gió mùa, Quảng Bình có phong phú các nguồn thương phẩm, hương liệu đặc trưng của xứ nhiệt đới - vốn “xa lạ” và có sức hấp dẫn đối với các thương nhân khu vực và phương Tây. Vì vậy sự đa dạng về nguồn hàng và thương phẩm của Quảng Bình cũng giữ vị trí không nhỏ trong sự phát triển ngoại thương của chính quyền Thuận Hóa.

Những ghi chép của tác giả *Phủ biên tạp lục* đã cho thấy đây là vùng đất rất dồi dào về nguồn gỗ quý, nguồn khoáng sản. Trong giai đoạn đầu gây dựng sự nghiệp ở Thuận Hóa, nguồn hàng khai thác trực tiếp từ tự nhiên giữ vị trí không thể thay thế trong hoạt động giao thương và bang giao của các chúa Nguyễn. Các thương phẩm này không chỉ phục vụ cho hoạt động thương mại mà còn đáp ứng nhu cầu của cư dân bản địa, thông qua các hình thức trao đổi giữa miền ngược và miền xuôi. Qua các sổ tuần ty, chúa Nguyễn đã thiết lập sự quản lý mềm dẻo đối với khu vực phía tây của Quảng Bình, nơi sinh sống của người Thượng. Đồng thời, những mối liên hệ giữa đồng bằng và miền núi đã cho thấy sự gắn bó mật thiết giữa biển và lục địa trong thương mại Đàng Trong. Cùng với nguồn lâm, thổ sản, những mặt hàng khoáng sản và thủ công nghiệp của Quảng Bình cũng giữ vị trí không nhỏ trong hệ thống các nguồn thương phẩm của Đàng Trong xuất đi nước ngoài. Nguồn sắt khai thác ở miền núi Quảng Bình có sự quản lý chặt chẽ của chính quyền Thuận Hóa. Bên cạnh đó, các mặt hàng thủ công nghiệp như muối, lụa... cũng trở thành nguồn hàng nổi bật.

Sự phát triển của thương mại kéo theo sự tham gia mạnh mẽ của thương nhân bản địa. Những cư dân ở châu Nam Bố Chính đã tham gia tích cực vào các hoạt động thương mại của Đàng Trong. Nguồn thương phẩm của Quảng Bình theo đó cũng được buôn bán, trao đổi mạnh mẽ với các vùng, miền khác của xứ Thuận-Quảng. Trong mối quan hệ qua lại, những thương nhân miền xuôi sẽ có được nguồn gỗ quý, hồ tiêu, khoáng sản... từ khu vực miền núi Quảng Bình, đồng thời trong dòng chảy ngược lại, cư dân bản địa có được các sản phẩm đặc trưng của biển, của đồng bằng. Những kết nối giữa miền ngược và miền xuôi, giữa đồng bằng và miền núi đã diễn ra nhộn nhịp tại Đàng Trong. Trong sự bùng nổ của các quan hệ thương mại, Quảng Bình cũng là nơi cung cấp các mặt hàng thiết yếu.

V T X

CHÚ THÍCH

- (1) Xin xem thêm: Li Tana (Nguyễn Tiến Dũng dịch) “Một cách nhìn từ biển: Bối cảnh vùng duyên hải miền Bắc và Trung Việt”, tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 7&8, 2009, tr. 14-28, 60-67.
- (2) Oscar Salemink, “A view from the mountain: A critical history of lowland - highlander relations in Viet Nam”, in: (2010) *International Conference on Vietnamese and Taiwanese Studies*, National ChenKung University.
- (3) Trần Quốc Vượng, “Chiếm cảng Hội An với cái nhìn về biển của người Chăm và người Việt”, trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học về khu phố cổ Hội An 23-24/7/1985*, Hội An, tháng 3/2008, tr. 51.
- (4) Theo các nhà sử học và khảo cổ học, thế kỷ XVI-XVII là buổi hồi sinh của các cảng thị: Cửa Tùng (Tùng Luật), Cửa Việt (Việt Hải môn hay Việt Khách, Quảng Trị), Cửa Eo (Thuận An), cảng Thanh Hà, cửa Tư Hiền (Thừa Thiên Huế), Cửa Hàn-Cửa Đại (Đà Nẵng-Hội An, Quảng Nam), Thị Nại (Quy Nhơn, Bình Định), Nha Trang (Khánh Hòa), Phan Rang, Phan Thiết (Thuận Hải)... Trần Quốc Vượng (Chủ biên), *Biển với người Việt cổ*, Nxb Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, 1996, tr. 31.
- (5) Tên gọi Quảng Bình xuất hiện từ năm 1831, dưới thời vua Minh Mạng.
- (6) Lê Quang Định, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2005, tr. 354.
- (7) *Đại Nam nhất thống chí*, tập 3, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2006, tr. 12.
- (8) Theo tác giả Nguyễn Khắc Thuần, thì Bồ Chính và Địa Lý đại để tương ứng với tỉnh Quảng Bình, Ma Linh tương ứng với hai huyện Vĩnh Linh và Gio Linh của tỉnh Quảng Trị hiện nay. Dương Văn An, *Ô Châu cận lục*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2009, tr. 13.
- (9) Châu Ô, châu Lý tương ứng với vùng đất phía nam huyện Gio Linh (Quảng Trị) cho đến thị xã Điện Bàn thuộc tỉnh Quảng Nam ngày nay.
- (10) Năm 1307, nhà Trần đổi hai châu Ô, Lý thành châu Thuận và châu Hóa, cuối đời Trần lập thành lộ Thuận Hóa. Như vậy, “đất Thuận Hóa ra đời trong sự hội nhập vào lãnh thổ Đại Việt không phải bằng sự lấn chiếm hay xâm lược mà là sản phẩm của quan hệ đồng minh, sự hòa hiếu và của một cuộc hôn nhân mang ý nghĩa lịch sử”. Phan Huy Lê, “Tưởng nhớ công lao của vua Trần Nhân Tông và công chúa Huyền Trân”, tạp chí *Xưa và Nay*, số 263 (7/2006).
- (11) Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 185-186.
- (12) Dương Văn An, *Ô Châu cận lục*, Sdd, tr. 40.
- (13) Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Nxb Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, 2007, tr. 137-138.
- (14) Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Sdd, tr. 54.
- (15) Về chi tiết các phủ này, xin xem thêm: Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Sdd, tr. 102-105.
- (16) Pierre Poivre, “Voyage de Pierre Poivre en Cochinchine”, in: Li Tana - Anthony Reid, *Southern Vietnam under the Nguyen, Documents on the economic history of Cochinchina (Đàng Trong) 1602-1777*, Institute of Southeast Asia Studies, 1993, p. 43.
- (17) Dương Văn An, *Ô Châu cận lục*, Sdd, tr. 41.
- (18) Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Sdd, tr. 126-127.
- (19) Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Sdd, tr. 410.
- (20) Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Sdd, tr. 410.
- (21) Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Sdd, tr. 410.
- (22) Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Sdd, tr. 413.
- (23) Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Sdd, tr. 414.
- (24) Về hoạt động thương mại tại cảng Thanh Hà, xin xem thêm: Đỗ Bang, *Phố cảng vùng Thuận-Quảng thế kỷ XVII-XVIII*, Nxb Thuận Hóa-Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Hà Nội, 1996.
- (25) Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Sdd, tr. 415.
- (26) Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Sdd, tr. 295.

- (27) Pierre Poivre, "Voyage de Pierre Poivre en Cochinchine", Sdd, tr. 92.
- (28) Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Sdd, tr. 415
- (29) Theo miêu tả của *Đại Nam nhất thống chí* thì núi Lệ Đệ ở cách huyện Bố Trạch 28 dặm về phía bắc, lại có tên là Lễ Đệ. Núi không cao lắm; từ đông sang tây liên tiếp hơn trăm ngọn, chắn ngang đường cái quan. *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2006, tr. 26.
- (30) Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Sdd, tr.132.
- (31) Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Sdd, tr. 287.
- (32) Người Thượng hay còn gọi là người Mọi, người Man là thuật ngữ dùng để chỉ những cư dân sinh sống ở khu vực miền núi Trung Kỳ và Trường Sơn-Tây Nguyên.
- (33) Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Sdd, tr. 437.
- (34) Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Sdd, tr. 428.
- (35) Xung quanh khái niệm kỷ nguyên thương mại châu Á, các nhà nghiên cứu vẫn còn những ý kiến khác nhau. Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng khái niệm được đưa ra bởi GS Anthony Reid. Xin xem thêm: Anthony Reid, *Southeast Asia in the Age of Commerce 1450-1680, Volume 2: Expansion and crisis*, New Haven and London: Yale University Press, 1993.
- (36) Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Sdd, tr. 400-401.
- (37) Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Sdd, tr. 160.
- (38) Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Sdd, tr. 302.

TÓM TẮT

Danh xưng Quảng Bình chính thức xuất hiện vào năm 1604, khi chúa Nguyễn Hoàng (1525-1613) lập phủ Quảng Bình. Đất Quảng Bình dưới thời chúa Nguyễn bao gồm 3 huyện và một châu đó là: huyện Minh Linh, huyện Khang Lộc, huyện Lệ Thủy và châu Nam Bố Chính.

Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, Quảng Bình có hệ sinh thái đa dạng với các nguồn hàng và thương phẩm đặc trưng của xứ nhiệt đới, đặc biệt là nguồn hàng lâm, thổ sản. Cùng với đó là nguồn hàng khoáng sản, các mặt hàng thủ công nghiệp như lụa, muối... cũng mang lại nguồn lợi lớn cho chính quyền Thuận Hóa. Trong sự bùng nổ của các quan hệ thương mại, Quảng Bình cũng là địa điểm cung cấp nhiều mặt hàng giá trị. Các thương phẩm này không chỉ phục vụ cho hoạt động thương mại mà còn đáp ứng nhu cầu của cư dân bản địa. Thông qua các hình thức trao đổi giữa miền ngược và miền xuôi, những mối liên hệ giữa đồng bằng và miền núi đã cho thấy sự gắn bó mật thiết giữa biển và lục địa trong thương mại Đàng Trong.

ABSTRACT

PRODUCT SOURCES AND MERCHANDISE IN QUẢNG BÌNH PROVINCE WITH THE DEVELOPMENT OF TRADE IN COCHINCHINA DURING THE 16TH-18TH CENTURIES

The toponym of Quảng Bình appeared in 1604, when Lord Nguyễn Hoàng (1525-1613) established Quảng Bình Province. The area of Quảng Bình under the Nguyễn Lords consisted of 3 districts and a mountain district, i.e. Minh Linh, Khang Lộc and Lệ Thủy districts and the mountain district of Nam Bố Chính.

Influenced by tropical monsoon climate, Quảng Bình Province has a diverse eco-system with specific sources of products of a tropical region, especially forest and local products. Moreover, minerals and handicraft items, such as silk and salt, etc... also brought great benefits for the government of Thuận Hóa Region. Quảng Bình provided many valuable goods during the development of trade relationships. These goods not only met the demand of trading market but also satisfied the needs of local residents. These forms of exchange between the highland and the lowland, and the relationship between the plain and the mountainous area shows a close link between sea and land in the trade of Cochinchina.